

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**  
Cho quý I/2022



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính quý 1/2022

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy An	Chủ tịch
Ông Tạ Tiến Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Tiến Dũng	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vi Thúy Trang	Trưởng ban
Ông Chử Lương Huân	Thành viên
Bà Phan Thị Nhung	Thành viên

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Công ty Cổ phần HTC Holding**

Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



---

**Tạ Tiên Dũng**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đầu Kỳ	Cuối Kỳ
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>51,503,140,914</b>	<b>8,000,729,211</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	258,140,914	227,134,664
111	1. Tiền		258,140,914	227,134,664
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		<b>51,245,000,000</b>	<b>7,771,190,092</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	6,245,000,000	6,245,000,000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	-	11,481,481
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	45,000,000,000	1,514,708,611
140	IV. Hàng tồn kho	7	-	-
141	0. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	<b>2,404,455</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	1,909,091
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	495,364
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>22,600,000,000</b>	<b>64,600,000,000</b>
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	0. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		-	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
224	0. Tài sản cố định thuê tài chính	9	-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	0. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		<b>22,600,000,000</b>	<b>64,600,000,000</b>
251	0. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	0. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22,600,000,000	64,600,000,000
254	1. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	0. Chi phí trả trước dài hạn	10	-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>74,103,140,914</b>	<b>72,600,729,211</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING**Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã,  
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

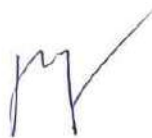
Cho Quý I năm 2022 kết thúc ngày 31/03/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đầu Kỳ	Cuối Kỳ
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		7,867,229,770	6,132,207,981
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		7,867,229,770	6,132,207,981
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	7,302,751,389	5,613,194,491
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	-	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		118,110,880	37,645,989
	- Thuế Giá trị gia tăng			35,000,000
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp			
322	4. Quỹ khen thưởng phúc lợi		446,367,501	446,367,501
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		66,235,911,144	66,468,521,230
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	66,235,911,144	66,468,521,230
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		60,500,000,000	60,500,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60,500,000,000	60,500,000,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		446,367,502	446,367,502
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,289,543,642	5,522,153,728
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5,161,639,279	5,289,543,642
421b	LNST chưa phân phối năm nay		127,904,363	232,610,086
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>74,103,140,914</b>	<b>72,600,729,211</b>


Lê Văn Thắng  
Người lập

Lê Văn Thắng  
Kế toán trưởngTạ Tiến Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	9,984,000,000	8,980,610,100	9,984,000,000	8,980,610,100
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9,984,000,000	8,980,610,100	9,984,000,000	8,980,610,100
11	4. Giá vốn hàng bán	19	9,568,000,000	7,165,970,013	9,568,000,000	7,165,970,013
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		416,000,000	1,814,640,087	416,000,000	1,814,640,087
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	45,537	112,014	45,537	112,014
22	7. Chi phí tài chính	21	-	109,820,875	-	109,820,875
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	109,820,875	-	109,820,875
25	8. Chi phí bán hàng	22		43,504,098	-	43,504,098
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	144,535,570	268,325,610	144,535,570	268,325,610
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		271,509,967	1,393,101,518	271,509,967	1,393,101,518
31	11. Thu nhập khác	24		10,700,000,000	-	10,700,000,000
32	12. Chi phí khác	25		10,500,000,000	-	10,500,000,000
40	13. Lợi nhuận khác			200,000,000	-	200,000,000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		271,509,967	1,593,101,518	271,509,967	1,593,101,518
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		38,899,881	159,310,152	38,899,881	159,310,152
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		232,610,086	1,433,791,366	232,610,086	1,433,791,366
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		38		38	237

  
Lê Văn Thắng  
Người lập

  
Lê Văn Thắng  
Kế toán trưởng



Tạ Tiến Dũng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Dầu Kỳ VND	Cuối Kỳ VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		163,674,964	271,509,967
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1,124,362,517	-
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1,428,028,586	
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		242,859	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(440,315,652)	
06	- Chi phí lãi vay		136,406,724	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1,288,037,481	271,509,967
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(46,393,462,433)	(43,485,719,456)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9,468,976,754	
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		5,145,824,991	(1,718,751,389)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		567,137,123	1,909,091
14	- Tiền lãi vay đã trả		(130,037,217)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(38,899,881)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(30,092,423,182)	(44,931,051,787)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(78,800,000)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		12,832,875,911	
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7,000,000,000)	44,900,000,000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40,500,000,000	
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		179,037	45,537
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		46,254,254,948	44,900,045,537
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5,958,203,800	
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(22,021,654,036)	
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16,063,450,236)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		98,381,530	(31,006,250)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		160,002,243	258,140,914
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(242,859)	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	258,140,914	227,134,664

Người lập biểu

*MY*  
Lê Văn Thủy

Kế toán trưởng

*MY*  
Lê Văn Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý 1 Năm 2022

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 60.500.000.000 đồng; tương đương 6.050.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh sản xuất thương mại.

##### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- ...

#### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

##### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

##### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

###### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

###### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
- + Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chí phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

### **2.5. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **2.6. Các khoản đầu tư tài chính**

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

### **2.7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## **2.8. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **2.9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

## **2.10. Doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **Thu nhập khác**

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

### **2.11. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.12. Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.13. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Ưu đãi thuế

Theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp", Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy chiết xuất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Trong năm, Công ty đã thanh lý Nhà máy sản xuất tinh dầu này nên Công ty không áp dụng các ưu đãi thuế như trên, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng cho các khoản thu nhập chịu thuế là 20%.

## 2.15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	3/31/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	177,893,094	179,117,912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49,241,570	79,023,002
	<b>227,134,664</b>	<b>258,140,914</b>

## 4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH thương mại Đông Xuyên	6,200,000,000	-	6,200,000,000	-
- General Sales Co. (PVT) LTD	-	-	-	-
- Bernardi S.A.S.U	-	-	-	-
- Joh. Vogele KG	-	-	-	-

- Các khoản phải thu khách hàng khác	45,000,000	-	45,000,000	-
	<b>6,245,000,000</b>	-	<b>6,245,000,000</b>	-

#### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Khoản trả trước người bán khác	11,481,481	-	-	-
	-	-	-	-

#### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
- Tạm ứng	-	-	45,000,000,000	-
- Nguyễn Đức Thuận (*)	-	-	20,000,000,000	-
- Nguyễn Thanh Lan	-	-	20,000,000,000	-
- Tạ Tiến Dũng (*)	1,512,813,700	-	3,000,000,000	-
- Nguyễn Phú Nam (*)	-	-	2,000,000,000	-
- Phải thu khác	1,894,911	-	-	-
	<b>1,514,708,611</b>	-	<b>45,000,000,000</b>	-

(\*) Tạm ứng cho các cá nhân để thực hiện các dự án đầu tư của Công ty. Đến thời điểm kiểm toán, Công ty đã thu hồi các khoản tạm ứng này.

#### 7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần GAVI	5,584,000,000	5,584,000,000	6,000,000,000	6,000,000,000
- Công ty Cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam			1,202,500,000	1,202,500,000
- Thu mua hộ cá nhân			-	-
- Công ty TNHH Công nghiệp Tân Vượng			50,475,300	50,475,300
- Công ty cổ phần Techvina NAC			-	-
- Phải trả các đối tượng khác			49,776,089	49,776,089
	<b>5,584,000,000</b>	<b>5,584,000,000</b>	<b>7,302,751,389</b>	<b>7,302,751,389</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	5,584,000,000	5,584,000,000	7,302,751,389	7,302,751,389

5,584,000,000	5,584,000,000	7,302,751,389	7,302,751,389
---------------	---------------	---------------	---------------

## 8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm nay	60,500,000,000	446,367,502	5,289,543,642	66,235,911,144
Lãi trong năm nay	-	-	232,610,086	232,610,086
Số dư cuối năm nay	60,500,000,000	446,367,502	5,522,153,728	66,468,521,230

### b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu Kỳ VND	Tỷ lệ %
Trần Hoàng Cường	14,500,000,000	23.97%	14,500,000,000	23.97%
Lê Thị Tuyết Vân	10,000,000,000	16.53%	10,000,000,000	16.53%
Nguyễn Minh Thùy	6,960,000,000	11.50%	6,960,000,000	11.50%
Cổ đông khác	29,040,000,000	48.00%	29,040,000,000	48.00%
	60,500,000,000	100%	60,500,000,000	100%

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	60,500,000,000	60,500,000,000
- Vốn góp cuối năm	60,500,000,000	60,500,000,000

### d) Cổ phiếu

	3/31/2022	1/1/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,050,000	6,050,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,050,000	6,050,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,050,000	6,050,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

### f) Các quỹ của Công ty

	3/31/2022 VND	1/1/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	446,367,502	446,367,502
	446,367,502	446,367,502

## 9. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	44,651	44,562
- Đô la Mỹ	USD	69.39	63.25
- Euro	EUR	50.80	50.80

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	64,600,000,000	-	64,600,000,000
	-	<b>64,600,000,000</b>	-	<b>64,600,000,000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Đầu tư dài hạn	-	22,600,000,000	-	22,600,000,000
	-	<b>22,600,000,000</b>	-	<b>22,600,000,000</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	227,134,664	-	-	227,134,664
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7,771,190,092	-	-	7,771,190,092
	<b>7,998,324,756</b>	-	-	<b>7,998,324,756</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	258,140,914	-	-	258,140,914
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51,245,000,000	-	-	51,245,000,000

51,503,140,914 - - 51,503,140,914

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	5,613,194,491	-	-	5,613,194,491
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>5,613,194,491</u>	-	-	<u>5,613,194,491</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	7,302,751,389	-	-	7,302,751,389
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	<u>7,302,751,389</u>	-	-	<u>7,302,751,389</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Thắng

Lê Văn Thắng

Tạ Tiến Dũng